

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN DÂN TỘC

Số: 39 /QĐ - BDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 03 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc tỉnh Bình Phước**

TRƯỞNG BAN DÂN TỘC

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-UBND ngày 31/11/2015 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống Cơ quan công tác dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về ban hành Quy định về công tác Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 55/2018/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 544/BTĐKT ngày 24/7/2019 của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh về việc góp ý dự thảo Quy định công tác thi đua, khen thưởng của Ban Dân tộc tỉnh;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc tỉnh Bình Phước.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 41/QĐ-BDT ngày 04/11/2015 của Ban Dân tộc về việc ban hành Quy định về công tác thi đua khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng, các tập thể, cá nhân thuộc Ban Dân tộc, cơ quan công tác dân tộc cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban TĐKT tỉnh (b/c);
- LĐ Ban;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TC, TĐKT. 



Bà Ly Phước

QUY ĐỊNH

**Công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống
cơ quan công tác dân tộc tỉnh Bình Phước**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/QĐ-BDT
ngày 03 / 9 /2019 của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Bình Phước)

Chương I

**PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG
VÀ NGUYÊN TẮC KHEN THƯỞNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng đối với ngành Dân tộc tỉnh Bình Phước theo Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định của Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua thường xuyên gồm:

- Cá nhân: là cán bộ, công chức, nhân viên hợp đồng lao động từ 10 tháng trở lên thuộc cơ quan Ban Dân tộc, cơ quan công tác dân tộc cấp huyện; là đồng bào dân tộc thiểu số điển hình tiêu biểu xuất sắc (không tính học sinh, sinh viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội).

- Tập thể: Các phòng chuyên môn thuộc cơ quan Ban Dân tộc; các phòng làm công tác dân tộc cấp huyện đã có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên.

2. Đối tượng thi đua theo đợt hoặc chuyên đề:

Được xác định cụ thể trong kế hoạch phát động thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề của Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh, Ban Dân tộc. Đối tượng khen gồm:

- Các đối tượng quy định tại kế hoạch phát động thi đua.

- Cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh Bình Phước có thành tích đóng góp cho sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- Các cá nhân, tập thể ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc có liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc có thành tích, công lao xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp công tác dân tộc.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:

Thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, đảm bảo tính đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Mỗi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua và giao ước thi đua; xác định rõ nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng:

a) Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn thì được xét khen thưởng ở mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân lao động trực tiếp.

b) Không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới có được khen thưởng mức cao hơn. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.

c) Khi khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng về thành tích toàn diện hàng năm đối với người đứng đầu cơ quan, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Ban Dân tộc, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

d) Không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau.

e) Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện hàng năm để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng về công trạng và thành tích đạt được. Các hình thức khen thưởng theo đợt (chuyên đề, đợt xuất) được ghi nhận, đánh giá và xem xét thêm khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

f) Khi xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên), Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh phải họp và bỏ phiếu kín; tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản). Riêng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, tỷ lệ phiếu đồng ý phải đạt từ 90% trở lên.

g) Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng. Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân của cơ quan trước khi trình cấp trên khen thưởng.

h) Nguyên tắc xét khen thưởng theo chuyên đề:

Thực hiện theo khoản 9 Điều 4 của Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước và theo mục tiêu, yêu cầu của chuyên đề thực hiện để xét khen thưởng. Ngoài ra còn có nguyên tắc sau:

- Có thời gian công tác làm nhiệm vụ công tác dân tộc 5 năm liên tục trở lên và tham gia phụ trách chuyên đề từ 2/3 thời gian.

i) Đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới: Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với nữ cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian năm so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1

HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 4. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung phải bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực.

2. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

4. Chú trọng việc tuyên truyền, vận động các đối tượng tham gia và đảm bảo các điều kiện về tinh thần, vật chất cho tổ chức phong trào thi đua; đồng thời tăng cường kiểm tra, theo dõi quá trình tổ chức thực hiện phong trào thi đua.

5. Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, tác dụng, những tồn tại, hạn chế và rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua; công khai lựa chọn, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc. Tổ chức tuyên truyền phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm để mọi người học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan, các phòng chuyên môn, cơ quan công tác dân tộc cấp huyện trong triển khai thực hiện phong trào thi đua

1. Trưởng Ban Dân tộc tổ chức phát động, chỉ đạo các phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn ngành Dân tộc; kiểm tra phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi mình quản lý. Chủ động phát hiện, lựa chọn



các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

2. Văn phòng, Phòng Tuyên truyền và Địa bàn, cơ quan công tác dân tộc cấp huyện phối hợp các đơn vị liên quan phối hợp tuyên truyền cán bộ, công chức, người dân tộc thiểu số tham gia các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến vùng dân tộc thiểu số.

3. Ban chấp hành Công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Trách nhiệm của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cơ sở Ban Dân tộc:

a) Căn cứ nội dung phát động phong trào thi đua của Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh; nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn của tỉnh giúp Trưởng Ban Dân tộc tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

b) Tham mưu cho Trưởng Ban Dân tộc tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi toàn ngành. Tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; thẩm định thành tích, trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc tham mưu UBND tỉnh xét trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định.

c) Giúp Trưởng Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với cơ quan công tác dân tộc cấp huyện, các đơn vị có chương trình phối hợp, các cơ quan thông tin đại chúng phát hiện, tuyên truyền và nhân rộng các điển hình tiên tiến; hướng dẫn tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động khối thi đua và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện đăng ký thi đua của tập thể, cá nhân ngành Dân tộc.

d) Thực hiện công tác kiểm tra và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Văn phòng - Thường trực tham mưu công tác thi đua khen thưởng Ban Dân tộc:

Tham mưu Trưởng Ban Dân tộc tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi Ban Dân tộc và triển khai các phong trào thi đua do Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh phát động; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; phối hợp phát hiện và nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng ngành Dân tộc.

Mục II

DANH HIỆU, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Danh hiệu thi đua

1. Đối với tập thể: Tập thể Lao động tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc; Cờ thi đua.
2. Đối với cá nhân: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

Điều 8. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Được đề nghị xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất, được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh;
- b) Có sáng kiến (là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật) hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc. Việc công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do người đứng đầu tỉnh xem xét, công nhận.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được đề nghị xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- b) Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh do người đứng đầu tỉnh xem xét, công nhận.

Điều 10. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

- a) Đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- b) Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan công nhận.

Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Điều 11. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Đối với cá nhân:

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét hàng năm cho công chức, lao động trong cơ quan Ban Dân tộc đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;

- Tích cực học tập chính trị, văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ.

- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

b) Những trường hợp sau đây vẫn được xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

- Cá nhân đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác của cơ quan để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và có kết quả học tập từ loại khá, có giấy xác nhận làm căn cứ thì năm đó được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

- Nữ nghỉ thai sản theo quy định;

- Đối với cá nhân chuyển công tác thì đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ (có thời gian công tác 6 tháng trở lên).

- Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

2. Đối với tập thể:

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tỷ lệ xét danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” không quá 70% tổng số tập thể của Ban Dân tộc.

Điều 12. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được đề nghị xét tặng hàng năm cho tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tỷ lệ xét “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 30% tập thể trong đơn vị.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Mục 1

LOẠI HÌNH KHEN THƯỞNG

Điều 13. Các hình thức khen thưởng

1. Cấp Nhà nước: Huân chương; Huy chương; danh hiệu vinh dự Nhà nước; Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước; Cờ Thi đua Chính phủ, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.
2. Ủy ban Dân tộc: Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số”;
3. UBND tỉnh: Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh;
4. Ban Dân tộc: Giấy khen của Trưởng Ban Dân tộc

Điều 14. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định xem xét, đánh giá, công nhận.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc ngành Dân tộc đạt được thành tích đột xuất trong lao động (thành tích lập được trong hoàn cảnh không dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận).

Mục 2 **KHEN THƯỞNG CẤP NHÀ NƯỚC**

Điều 15. Tiêu chuẩn các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

Thực hiện theo quy định Căn cứ Luật thi đua khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và ngày 16/11/2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Mục 3 **KỶ NIỆM CHƯƠNG**

Điều 16. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc”

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc” (gọi tắt là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng của Ủy ban Dân tộc để tặng cho cá nhân đã có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Ủy ban Dân tộc xét tặng Kỷ niệm chương vào dịp kỷ niệm “Ngày truyền thống cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc (ngày 03 tháng 5 hàng năm) và xét tặng đối với các trường hợp khác theo quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm.

Kỷ niệm chương chỉ tặng một lần cho mỗi cá nhân, không truy tặng.

2. Kỷ niệm chương được xét tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn:

a) Đối với cá nhân trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc

- CBCC, VC có thời gian công tác liên tục từ 10 năm trở lên đối với nam, 08 năm trở lên đối với nữ tính đến ngày 03 tháng 5 hàng năm.

- Các trường hợp được cộng thêm năm công tác: mỗi lần được tặng Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm được cộng thêm 01 năm; mỗi lần đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, hoặc được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cộng thêm 2 năm; được tặng Huân chương (các hạng) được cộng thêm 03 năm;

Trường hợp được quy đổi thời gian công tác: CBCC, sỹ quan, chiến sỹ thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đã có thời gian (số năm) công tác các xã biên giới, các

xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi, thì số năm làm việc nói trên được tính quy đổi với hệ số 0,5 nhưng tối đa không quá 1/3 thời gian quy định.

b) Đối với cá nhân ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc

- Là người dân tộc thiểu số được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới, chiến sỹ thi đua toàn quốc, nhà giáo nhân dân, nghệ sỹ nhân dân, nghệ nhân.

- Người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, doanh nhân, nghệ sỹ, nghệ nhân có thành tích xuất sắc đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc, đảm bảo an ninh quốc phòng, trật tự xã hội trong cộng đồng dân cư.

- CBCC, chiến sỹ thuộc các sở, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể có chương trình phối hợp đang làm nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến sự nghiệp xóa đói giảm nghèo, văn hóa, y tế, giáo dục, an ninh quốc phòng, xây dựng và giữ gìn khối đại đoàn kết các dân tộc, góp phần phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; có thời gian công tác liên tục từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xét tặng Kỷ niệm chương và đã được tặng Bằng khen của cơ quan quản lý.

- CBCC, VC thuộc đơn vị hành chính, sự nghiệp cấp huyện, xã đang làm nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến sự nghiệp xóa đói giảm nghèo, văn hóa, y tế, giáo dục, an ninh quốc phòng, xây dựng và giữ gìn khối đại đoàn kết các dân tộc, góp phần phát triển kinh tế xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; có thời gian công tác liên tục từ 10 năm trở lên đối với nam, 08 năm trở lên đối với nữ tính đến thời điểm xét tặng Kỷ niệm chương, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Giấy khen hoặc Bằng khen của cơ quan quản lý.

c) Các trường hợp được xét, tặng kỷ niệm chương khác

- Lãnh đạo tỉnh có công trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số Việt Nam.

- Cá nhân có thành tích xuất sắc nhân dịp Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam.

- Cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam có thành tích góp phần cùng cố, tăng cường tình đoàn kết các dân tộc, có công lao giúp đỡ, ủng hộ xứng đáng về tài chính hoặc vật chất cho công cuộc xóa đói giảm nghèo và sự nghiệp phát triển các dân tộc thiểu số Việt Nam.

3. Thời hạn Ban Dân tộc nhận hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương là ngày 05 tháng 02 hàng năm.

Mục 4

BẰNG KHEN, GIẤY KHEN

Điều 17. Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

1. Trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc:
 - a) Cá nhân: được đề nghị tặng thưởng thi đua theo đợt (hoặc theo chuyên đề) hoặc đợt xuất do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phát động; hoặc lập được thành tích đợt xuất.
 - b) Tập thể: Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh lập được thành tích xuất sắc trong các đợt thi đua do Ủy ban Dân tộc phát động.
2. Tặng cho cá nhân, tập thể ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển các DTTS Việt Nam.
3. Tặng cho các tập thể, cá nhân là đại biểu chính thức có thành tích xuất sắc tại Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh, huyện và toàn quốc.

Điều 18. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Khen thưởng đợt xuất

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đợt xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước.
2. Khen thưởng theo đợt (hoặc theo chuyên đề)

Thực hiện theo khoản 2, Điều 12 của Quyết định số 61/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước và điểm h, khoản 2, Điều 3 của Quy định này. Ngoài ra còn có yêu cầu sau:

 - Khen thưởng theo mục đích, yêu cầu của chuyên đề thực hiện để xét tặng thưởng đúng người, đúng việc.
 - Có thành tích nổi bật trong phong trào thi đua, làm nhiệm vụ trực tiếp liên quan đến công tác dân tộc, được xã hội và nhân dân công nhận.
3. Khen thưởng tổng kết năm
 - 3.1. Đối với cá nhân (CBCC, LĐ Ban Dân tộc):
 - a) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:
 - Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Trường Ban Dân tộc phát động hàng năm;
 - Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng trong ngành Dân tộc của tỉnh;

- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (có quyết định công nhận cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ), trong thời gian đó có 02 sáng kiến cấp cơ sở được công nhận và áp dụng hiệu quả.

b) Tỷ lệ xét đề nghị tặng thưởng bằng khen không quá 15% trong tổng số CBCC,LD Ban Dân tộc

c) Phân định thành các nhóm đối tượng xét khen thưởng, trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao, phân định thành các nhóm để xét riêng như sau:

- CBCC giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ chốt (Trưởng ban, Phó trưởng ban);
- CBCC giữ chức vụ trưởng phòng, phó trưởng phòng;
- CBCC là chuyên viên, cán sự, hợp đồng lao động.

Trong đó, đối tượng lãnh đạo quản lý đề nghị khen thưởng không quá 30% tổng số cá nhân đề nghị khen thưởng.

3.2. Đối với cá nhân là người DTTS (già làng, người có uy tín, người DTTS điển hình tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Bình Phước)

Thực hiện theo Hướng dẫn liên tịch số 546/HDLT-BDT-HĐTĐKT ngày 21/8/2018 của Ban Dân tộc và Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh và hướng dẫn về khen thưởng, biểu dương người đồng bào dân tộc thiểu số tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3.3. Đối với tập thể (tập thể Ban Dân tộc và các phòng thuộc Ban):

a) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

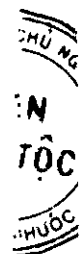
- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong ngành Dân tộc của tỉnh;

- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật trong tập thể.

b) Tỷ lệ xét đề nghị tặng thưởng bằng khen không quá 30% trong tổng số tập thể phòng.

Điều 19. Giấy khen

1. Giấy khen để tặng thưởng cho cá nhân, tập thể lập được thành tích thường xuyên, chuyên đề hoặc đột xuất.



Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác năm (khen thưởng tổng kết), hoặc lập được thành tích đột xuất và do Trưởng ban quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

2. Tiêu chuẩn để được tặng xét tặng Giấy khen (tổng kết năm):

2.1. Đối với cá nhân (CBCC, LĐ Ban Dân tộc và cơ quan công tác dân tộc cấp huyện, đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- b) Có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- c) Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tỷ lệ xét đề nghị tặng thưởng giấy khen hàng năm không quá 30% trong tổng số CBCC, LĐ thuộc phòng. Đối với CBCC thuộc cơ quan công tác dân tộc cấp huyện tỷ lệ xét tặng giấy khen không quá 30% trong tổng số CBCC của đơn vị.

2.2. Đối với tập thể (các phòng thuộc Ban Dân tộc; cơ quan công tác dân tộc cấp huyện) đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- b) Nội bộ đoàn kết; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua;
- c) Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm;
- d) Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

Tỷ lệ xét tặng thưởng giấy khen không quá 30% tổng số tập thể Ban Dân tộc. Đối với tập thể phòng thuộc cơ quan công tác dân tộc cấp huyện tỷ lệ xét tặng giấy khen không quá 30% trong tổng số tập thể cơ quan làm công tác dân tộc cấp huyện.

Chương IV **NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT DANH HIỆU** **THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Điều 20. Những trường hợp không xét danh hiệu thi đua

1. Đối với tập thể:

- a) Không đăng ký thi đua;
- b) Phòng mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ 12 tháng;
- c) Tập thể có vụ việc sai phạm bị báo chí phản ánh và đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra;

- d) Chi bộ, công đoàn cơ sở, chi đoàn xếp loại yếu kém;
- đ) Để xảy ra tham nhũng trong cơ quan đến mức phải xử lý hình sự;
- e) Có lãnh đạo phòng bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì không xét khen thưởng cho tập thể phòng;
- g) Các trường hợp đang bị điều tra, truy tố, xét xử.

2. Đối với cá nhân:

a) Không đăng ký thi đua; mới tuyển dụng dưới 10 tháng; nghỉ việc trên 40 ngày làm việc (cộng dồn) trong 1 năm (trừ chế độ nghỉ phép năm, nghỉ thai sản và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế; các trường hợp nghỉ việc để điều trị bệnh theo chỉ định của cơ sở y tế);

b) Có dấu hiệu vi phạm trong quá trình xác minh hoặc xem xét xử lý kỷ luật;

c) Vi phạm kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

3. Các trường hợp không xét tặng Kỷ niệm chương, gồm: các cá nhân bị kỷ luật thôi việc buộc thôi việc hoặc đang trong thời gian xem xét kỷ luật. Đối với cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ, hoặc bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên thì năm không hoàn thành nhiệm vụ hoặc chịu kỷ luật không được tính liên tục để xét tặng Kỷ niệm chương.

Điều 21. Những trường hợp không xét khen thưởng

1. Đối với tập thể:

a) Tập thể có vụ việc sai phạm bị báo chí phản ánh và đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra;

d) Chi bộ, công đoàn cơ sở, chi đoàn xếp loại yếu kém;

đ) Để xảy ra tham nhũng trong cơ quan đến mức phải xử lý hình sự;

e) Có lãnh đạo phòng bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì không xét khen thưởng cho tập thể phòng.

2. Đối với cá nhân:

Có dấu hiệu vi phạm trong quá trình xác minh hoặc xem xét xử lý kỷ luật.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 22. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Trưởng Ban Dân tộc xét tặng danh hiệu “lao động tiên tiến”, “chiến sĩ thi đua cơ sở” và khen thưởng “giấy khen” cho CBCC,LD Ban Dân tộc; tặng “giấy khen” cho CBCC cơ quan dân tộc cấp huyện hàng năm.

Điều 23. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Giấy khen của Trưởng Ban Dân tộc (đối với cá nhân và tập thể), làm 1 bộ:

- Danh sách trích ngang và báo cáo tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị, có xác nhận của Trưởng phòng hoặc lãnh đạo cơ quan công tác dân tộc cấp huyện.

2. Bằng khen của UBND tỉnh, Ủy ban Dân tộc (đối với cá nhân và tập thể), làm 02 bộ:

- Tờ trình của đơn vị;

- Biên bản họp xét khen thưởng Hội đồng thi đua, khen thưởng của đơn vị;

- Danh sách trích ngang và báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị, có xác nhận của cơ quan quản lý. Đồng thời gửi file word báo cáo thành tích theo địa chỉ mail: dtbinhphuoc@cema.gov.vn.

3. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc”:

- Tờ trình (01 bản);

- Danh sách trích ngang các cá nhân đề nghị tặng kỷ niệm chương (01 bản) theo biểu mẫu quy định.

- Bản tóm tắt thành tích (02 bản) ghi rõ các hình thức khen thưởng, có xác nhận của cơ quan quản lý; riêng đối với già làng, người có uy tín có xác nhận của chính quyền cấp xã. Đồng thời gửi file word báo cáo thành tích theo địa chỉ mail: dtbinhphuoc@cema.gov.vn.

Điều 24. Thời gian đăng ký và gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Đăng ký thi đua: Các phòng thuộc Ban Dân tộc và CBCC, LD đăng ký thi đua của tập thể, cá nhân do Trưởng Ban Dân tộc phát động tại Hội nghị CBCC cơ quan hàng năm; cơ quan công tác dân tộc cấp huyện đăng ký thi đua tại Hội nghị tổng kết ngành hàng năm.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng:

- Đối với khen thưởng theo chuyên đề: theo văn bản quy định của Ủy ban Dân tộc, UBND tỉnh hoặc của Ban Dân tộc;

- Đối với khen thưởng tổng kết năm: trước ngày 20 tháng 12 hàng năm;

- Đối với xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc”: trước ngày 05 tháng 02 hàng năm.

Điều 25. Quyền lợi của cá nhân, tập thể được khen thưởng

Tập thể, cá nhân thuộc Ban Dân tộc được công nhận các danh hiệu thi đua, khen thưởng gồm: Giấy chứng nhận, Khung, Bằng, Cờ, hiện vật, tiền thưởng hoặc vật phẩm lưu niệm kèm theo, được hưởng các quyền lợi khác theo Luật thi đua, khen thưởng; cá nhân ở cơ quan dân tộc cấp huyện được tặng: giấy chứng nhận, khung.

Chương VI QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG

Điều 26. Nguồn và mức trích quỹ, nội dung chi thi đua khen thưởng

Nguồn quỹ thi đua khen thưởng của Ban Dân tộc được hình thành từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của cơ quan, mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương của CBCC, LD trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm; từ nguồn của cơ quan để chi cho công tác tổ chức quỹ phúc lợi của cơ quan. Được sử dụng để chi các khoản sau:

1. Chi tiền thưởng theo các quyết định khen thưởng của CBCC,LD Ban Dân tộc.
2. Chi cho in giấy chứng nhận, giấy khen, biểu mẫu hồ sơ khen thưởng; khung, hiện vật, tặng phẩm lưu niệm...
3. Thực hiện trích không quá 20% trong tổng lập quỹ thi đua khen thưởng của cơ quan cho công tác tổ chức, chỉ đạo phong trào thi đua. Cụ thể:
 - Chi phát động phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt, theo chuyên đề trong phạm vi cơ quan, của ngành Dân tộc và các hoạt động của Khối thi đua số 6 (Ban Dân tộc được phân công khối trưởng, khối phó Khối thi đua 6);
 - Chi xây dựng, tổ chức và triển khai các phong trào thi đua, hội nghị tập huấn nghiệp vụ, hội thi về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến;
 - Chi bồi dưỡng cho các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan để tổ chức các phong trào thi đua, nghiên cứu hồ sơ khen thưởng, chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; chi bồi dưỡng cho thành viên Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở khi thực hiện những hoạt động phục vụ việc xét thi đua.
 - Chi tổ chức hội nghị ký kết giao ước thi đua, hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua yêu nước của cơ quan, của ngành Dân tộc và Đại hội DTTS cấp tỉnh.

Điều 27. Nguyên tắc chi tiền thưởng từ quỹ thi đua khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng cơ quan do Trưởng Ban Dân tộc quản lý; nguồn trích, tỷ lệ, và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm. Việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng đối tượng và mức thưởng theo quy định.



2. Trường Ban Dân tộc ra quyết định khen thưởng thì Ban Dân tộc có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm theo hình thức khen thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan quản lý.

3. Các trường hợp khen thưởng đột xuất tùy theo thành tích và phạm vi tác dụng nêu gương và khả năng của quỹ thi đua, khen thưởng cơ quan để khen thưởng động viên, khuyến khích cho từng trường hợp, nhưng không quá ba lần mức thưởng theo quy định.

4. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng khen thưởng, nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

5. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua khác nhau thì được nhận mức tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau.

6. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua, vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của cả hình thức khen thưởng.

Điều 28. Mức thưởng theo các danh hiệu thi đua, khen thưởng do Trường Ban Dân tộc khen:

1. Đối với cá nhân:

a) Lao động tiên tiến được cấp giấy chứng nhận và kèm theo mức tiền thưởng 0,3 lần mức lương tối thiểu.

b) Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở được cấp giấy chứng nhận và kèm theo mức tiền thưởng 1,0 lần mức lương tối thiểu.

c) Giấy khen của Trường Ban: mức tiền thưởng 0,3 lần mức lương tối thiểu.

2. Đối với tập thể:

a) Tập thể Lao động tiên tiến được cấp giấy chứng nhận và kèm theo tiền thưởng 0,8 lần mức lương tối thiểu.

b) Giấy khen của Trường Ban: mức tiền thưởng gấp 2 lần đối với mức tiền thưởng của cá nhân.

Chương VII

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 29. Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng

Ban Thanh tra nhân dân phối hợp các phòng chuyên môn, cơ quan công tác dân tộc cấp huyện có trách nhiệm tham mưu cho Trưởng Ban Dân tộc kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc của tỉnh.

Điều 30. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Trách nhiệm của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở: chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, báo cáo thành tích và tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân trước khi trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trên; đồng thời phải tiến hành bỏ phiếu kín, nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (từ Bằng khen Thủ tướng Chính phủ trở lên)

Điều 31. Hủy bỏ quyết định khen thưởng

Thực hiện theo Điều 78 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 32. Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Thanh tra Ban Dân tộc tiếp nhận đơn thư khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng trong hệ thống công tác dân tộc và tham mưu Trưởng Ban Dân tộc có trách nhiệm xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.



Chương VIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Giao Chánh Văn phòng, lãnh đạo các phòng thuộc Ban Dân tộc và cơ quan dân tộc cấp huyện chịu trách nhiệm phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này cho CBCC, LD trong tập thể thuộc phạm vi quản lý.

Điều 34. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những quy định chưa rõ hoặc chưa có quy định thì áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Chánh Văn phòng Ban Dân tộc tham mưu Trưởng ban xem xét điều chỉnh, bổ sung Quy định theo đề nghị của Trưởng các phòng, thành viên Hội đồng thi đua khen thưởng./.



Đỗ Lý Phước